TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HS-PT
Ngày: 25-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Linh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nga

Ông Hoàng Minh Thịnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tạ Duy Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 31/2018/TLPT - HS ngày 19-4- 2018 đối với bị cáo Quách Văn T.

Do có kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HS-ST ngày 06-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

- Bị cáo bị kháng cáo

Quách Văn T, sinh năm 1988 tại Bình Phước

Nơi cư trú: Tổ 4, ấp 9, xã H, huyện L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ học vấn 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Văn B, sinh năm 1947 và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1957; bị cáo có vợ Lê Thị X sinh năm 1987 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15-3-2017 cho đến nay. "Có mặt"

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo:

- Bị hại có kháng cáo: Nguyễn Văn H, sinh năm 1973; HKTT: Thôn K, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Nơi ở hiện nay: Ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước. "Có mặt"

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đặng Văn H, sinh năm 1975; Nơi cư trú hiện nay: Ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước. "Vắng mặt"

2. Vũ Quốc T, sinh năm 1988; Nơi cư trú hiện nay: Ấp T, xã P, thị xã B, tỉnh Bình Phước. "Có mặt"

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác nhưng không có kháng cáo, kháng nghị và không xem xét nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên bị cáo Quách Văn T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác như sau: Vào ngày 29-01-2016, do có công việc nên Quách Văn T viết giấy ủy quyền cho Đặng Văn H diện tích 2,5 ha đất tại ấp T, xã T, huyện L (đất do T khai hoang vào năm 2012). Khi làm giấy ủy quyền cho Đặng Văn H có Vũ Quốc T và Đặng Văn H ký tên (Đặng Văn H và Vũ Quốc T đều biết đất do Quách Văn T tự khai hoang, Quách Văn T chỉ chịu trách nhiệm về dân sự và không có chịu trách nhiệm nếu Nhà nước thu hồi). Vào khoảng tháng 8 năm 2016, Vũ Quốc T biết Nguyễn Văn H (cậu ruột của Vũ Quốc T) muốn mua đất nên Vũ Quốc T giới thiệu mảnh đất 2,5 ha tại xã T, huyện L mà Quách Văn T ủy quyền cho Đặng Văn H để bán cho ông Nguyễn Văn H với giá 330.000.000 đồng. Sau khi xem đất, ông Nguyễn Văn H đồng ý mua và đặt cọc cho Đặng Văn H 70.000.000 đồng. Khoảng 10 ngày sau, Vũ Quốc T đưa máy cuốc lên để làm ranh giới đất thì được cán bộ Lâm trường T cho biết đây là đất Lâm trường đã giao cho Công ty cổ phần SX-XD-TM&NN H. Vũ Quốc T điện báo cho ông Nguyễn Văn H thì ông Nguyễn Văn H gọi điện cho Đặng Văn H nói không mua đất nữa và lấy lại tiền đặt cọc. Đến khoảng tháng 9 năm 2016, do biết được Đặng Văn H không bán được 2,5ha đất tại ấp T, xã T cho ông Nguyễn Văn H nên Quách Văn T nảy sịnh ý định lừa đảo tài sản của ông Nguyễn Văn H. Quách Văn T đưa thông tin giả vờ với Vũ Quốc T là Quách Văn T có 01 mảnh đất diện tích khoảng 3 ha sát mảnh đất Quách Văn T đã ủy quyền cho Đặng Văn H (trong đó có khoảng 0.8 ha Đặng Văn H đã bán cho ông Nguyễn Văn H trước đó) cần bán với giá 770.000.000 đồng (có 70.000.000 đồng trước đó Đặng Văn H đã nhận của ông Nguyễn Văn H). Mảnh đất này là đất trong dự án quy hoạch Khu dân cư lòng hồ Phước Hòa, vào năm 2009, Quách Văn T đã bán khoảng 2 ha (trồng cao su 4 năm tuổi) cho anh Nguyễn Văn H1 với giá 210.000.000 đồng. Vũ Quốc T điện thoại cho ông Nguyễn Văn H thì ông Nguyễn Văn H đồng ý mua với điều kiện Đặng Văn H phải đứng ra bảo lãnh tiền, còn Quách Văn T đi làm sổ đất. Đặng Văn H đồng ý. Ông Nguyễn Văn H đặt cọc trước số tiền 300.000.000 đồng, Nguyễn Văn H đưa cho Vũ Quốc T để đem xuống nhà Đặng Văn H tại ấp H, xã T, huyện L đưa cho Đặng Văn H, Đặng Văn H và Quách Văn T cho Vũ Quốc T mượn 20.000.000 đồng.

Đến khoảng tháng 10 năm 2016, do Quách Văn T cần tiền làm sổ nên Đặng Văn H điện thoại cho ông Nguyễn Văn H nói đã tiêu xài vào tiền làm sổ

và cần thêm tiền nên ông Nguyễn Văn H đưa 70.000.000 đồng cho Vũ Quốc T, Vũ Quốc T đưa tiền xuống nhà Đặng Văn H để đưa cho Quách Văn T. Do Đặng Văn H đã sử dụng vào tiền ông Nguyễn Văn H đưa để tiêu xài cá nhân nên Đặng Văn H tiếp tục lên gặp ông Nguyễn Văn H để lấy thêm 30.000.000 đồng. Đặng Văn H đưa cho Vũ Quốc T 30.000.000 đồng để làm sổ. Tổng cộng Đặng Văn H lấy của ông Nguyễn Văn H: 350.000.000 đồng, trong đó 70.000.000 đồng tiền đặt cọc mảnh đất trước, cho Vũ Quốc T mượn 20.000.000 đồng, đưa cho Quách Văn T 50.000.000 đồng để làm sổ. Số tiền Quách Văn T chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn H là 120.000.000 đồng. Đến ngày 21-11-2016, không thấy Đặng Văn H và Vũ Quốc T làm sổ nên ông Nguyễn Văn H tìm hiểu thì biết bị Quách Văn T lừa. Ông Nguyễn Văn H yêu cầu Đặng Văn H trả tiền và viết giấy biên nhận số tiền 470.000.000 đồng. Quá trình điều tra, ông Nguyễn Văn H không yêu cầu Quách Văn T bồi thường mà chỉ yêu cầu Đặng Văn H bồi thường cho ông số tiền 470.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Quách Văn T còn khai nhận đã thực hiện các hành vi lừa đảo bằng cách đưa thông tin giả nói đất và cao su của người khác là của T để chiếm đoạt tài sản như sau: vào các ngày 28-12-2015, bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Trí T 19.000.000 đồng; ngày 20-01-2016, bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Trung P 5.000.000 đồng; ngày 30-01-2017, bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của bà Trần Thị Y 3.500.000 đồng; ngày26-01-2017, bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của ông Trần Ngọc H, Nguyễn Văn C 38.000.000 đồng; ngày 01-02-2017, bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt của anh Đinh Quyết Z 3.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của những bị hại là 188.500.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 28-9-2016, bị cáo còn có hành vi lợi dụng lòng tin của ông Lâm Hồng S mượn 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 70K1-126.91 trị giá 8.000.000 đồng, sau đó đem đi cầm cố với giá 7.200.000 đồng và chiếm đoạt số tiền trên để đánh bạc không trả lại xe cho ông S.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Quách Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HS-ST ngày 06-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước quyết định:

"Tuyên bố bị cáo Quách Văn T phạm các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Quách Văn T 03 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản";

Áp dụng khoản 1 Điều 140, điểm b,p khoản 1 Điều 46, Điều 33 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; xử phạt bị cáo Quách Văn T 09 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng Điều 50 BLHS, tổng H hình phạt buộc bị cáo Quách Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 15-3-2017.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Quách Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn H 120.000.000 đồng; Buộc Đặng Văn H trả lại cho ông Nguyễn Văn H 350.000.000 đồng".

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị hại Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm hủy một phần Bản án sơ thẩm, làm rõ trách nhiệm hình sự đối với Đặng Văn H và buộc Đặng Văn H phải trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 470.000.000 đồng.

Tại phiên tòa

+ Bị cáo Quách Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nhận định. Bị hại Nguyễn Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

+ Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Đối với kháng cáo của ông Nguyễn Văn H về việc đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh Đặng Văn H, ông Nguyễn Văn H không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử xác định Đặng Văn H không biết nguồn gốc 02 thửa đất, thỏa thuận chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn H theo giấy ủy quyền của bị cáo (thửa đất 2,5ha) và thửa đất có diện tích 03ha và nhận tiền. Trong khi đó, bị cáo Quách Văn T là người chịu trách nhiệm làm sổ và thủ tục chuyển nhượng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H.

Đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng hủy Bản án sơ thẩm để điều tra làm rõ việc giao nhận số tiền 470.000.000 đồng mà Đặng Văn H đã nhận của ông Nguyễn Văn H; ý thức chủ quan của bị cáo trong việc chiếm đoạt số tiền hơn 600.000.000 đồng (do tại phiên tòa bị cáo khai không nhớ rõ số tiền nói cho Đặng Văn H bán đất là bao nhiêu, chỉ nhớ là bị cáo nói với Đặng Văn H giá hơn 600.000.000 đồng, còn giá 770.000.000 đồng là do Đặng Văn H thỏa thuận với ông Nguyễn Văn H) khi nhờ Đặng Văn H bán mảnh đất thứ 02 cho ông Nguyễn Văn H.

Lời nói sau cùng của bị cáo Quách Văn T: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức án của bị cáo như Bản án sơ thẩm đã kết án bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Quách Văn T khai nhận hành vi:

Sau khi biết thửa đất 2,5 ha tại ấp T, xã T mà bị cáo ủy quyền cho anh Đặng Văn H theo Giấy ủy quyền ngày 29-01-2016 không thể chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H do đất đã được Lâm trường giao cho Công ty H, vào tháng 9 năm 2016, do có ý định chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Văn H, Quách Văn T đưa ra thông tin gian dối rằng Quách Văn T có một thửa đất khoảng 3,8 ha (trong đó có 0,8 ha đã chuyển nhượng thửa đất trước đó) cần chuyển nhượng với giá hơn 600.000.000 đồng nói cho Vũ Quốc T (Vũ Quốc T là cháu của ông Nguyễn Văn H) và Đặng Văn H. Anh Vũ Quốc T và Đặng Văn H tin tưởng Quách Văn T nên anh Vũ Quốc T nói với ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn H đồng ý nhận chuyển nhượng thửa đất này. Sau đó, giữa ông Nguyễn Văn H và Đặng Văn H thỏa thuận giá trị chuyển nhượng là 770.000.000 đồng (trong đó có số tiền 70.000.000 đồng ông Nguyễn Văn H đặt cọc cho Đặng Văn H để nhận chuyển nhượng thửa đất 2,5 ha), Quách Văn T là người chịu trách nhiệm làm sổ (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Quá trình mua bán, bị cáo trực tiếp chỉ ranh giới đất cho ông Nguyễn Văn H và gọi điện cho ông Nguyễn Văn H để lấy tiền (bút lục 293-296), đồng thời bị cáo là người chịu trách nhiệm làm thủ tục chuyển nhương; Đặng Văn H được bị cáo ủy quyền giao dịch nhận tiền đối với mảnh đất trên.Trong quá trình giao dịch, bị cáo biết được Đặng Văn H đã nhận nhiều lần của ông Nguyễn Văn H (bao nhiêu lần bị cáo không nhớ rõ) với số tiền tổng cộng là 470.000.000đồng. Trong đó, bị cáo nhận của Đặng Văn H 50.000.000đồng và nhận của Vũ Quốc T 70.000.000 đồng, phần còn lại bị cáo cho Đặng Văn H mượn để sử dụng vào mục đích cá nhân (bút lục 100B, 127, 131-132, 134).

Như vậy, tổng số tiền bị cáo Quách Văn T nhận và số tiền bị cáo biết được Đặng Văn H đã nhận từ ông Nguyễn Văn H là 470.000.000 đồng, đây chính là số tiền thiệt hại thực tế của ông Nguyễn Văn H đối với hành vi mua bán đất gian dối của Quách Văn T. Mặt khác, trong quá trình điều tra, xét xử công khai, lời khai giữa bị cáo với Đặng Văn H, ông Nguyễn Văn H có nhiều mâu thuẫn về việc giao nhận tiền và mục đích sử dụng, cũng như ý thức chủ quan của bị cáovề việc chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Văn H. Tòa cấp sơ thẩm cho rằng bị cáo chỉ chiếm đoạt số tiền 120.000.000 đồng là chưa xem xét hết toàn diện vụ án, chưa đánh giá hết mức độ thiệt hại của hành vi mà bị cáo gây ra. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không bị kháng cáo, không bị kháng nghị về việc xem xét trách nhiệm của bị cáo đối với số tiền lừa đảo của ông Nguyễn Văn H là 470.000.000 đồng. Vì vậy, cần kiến nghị Tòa án nhân dân cấp cao hủy Bản án phúc thẩm và Bản án sơ thẩm để xem xét xử lý trách nhiệm của bị cáo.

[2] Xét kháng cáo yêu cầu hủy một phần Bản án sơ thẩm, làm rõ trách nhiệm hình sự đối với Đặng Văn H và buộc Đặng Văn H phải trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 470.000.000 đồng thấy rằng:

Đặng Văn H được bị cáo ủy quyền quyết định và giao dịch đối với diện tích đất mà ông Nguyễn Văn H mua (thửa 2,5 ha và 03 ha). Đặng Văn H không biết rõ về nguồn gốc đất, mà tin theo lời của bị cáo Quách Văn T rằng diện tích đất trên là do bị cáo khai khoang. Quá trình chuyển nhượng đất với ông Nguyễn

Văn H thì Đặng Văn H có đứng ra nhận tiền từ ông Nguyễn Văn H, còn việc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất là của bị cáo Quách Văn T thực hiện (bút lục 256-259). Lời khai của Đặng Văn H phù hợp với lời khai của bị cáo Quách Văn T (bút lục 100B; 131-132; 134), phù hợp với lời khai của anh Vũ Quốc T (bút lục 253). Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận rằng khi nêu thông tin thửa đất nhờ Đặng Văn H chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn H thì bị cáo không nói cho Đặng Văn H biết rõ nguồn gốc đất, phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ và lời khai của anh Vũ Quốc T. Đồng thời cũng phù hợp với chính lời khai của ông Nguyễn Văn H rằng ông Nguyễn Văn H không thỏa thuận chuyển nhượng đất với bị cáo, chỉ thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Đặng Văn H và ông Nguyễn Văn H đã giao tiền cho Đặng Văn H (thông qua việc nhờ Vũ Quốc T đưa cho Đặng Văn H) tổng cộng số tiền 470.000.000 đồng (bút lục 159-160, 375). Tại cấp phúc thẩm, ông Nguyễn Văn H cũng không đưa ra được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, kháng cáo yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với Đặng Văn H của bị hại Nguyễn Văn H là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm là phù H một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Các Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị hại Nguyễn Văn H không phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Nguyễn Văn H về việc yêu cầu hủy một phần Bản án sơ thẩm, làm rõ trách nhiệm hình sự đối với Đặng Văn H và buộc Đặng Văn H phải trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 470.000.000 đồng.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số11/2018/HSST ngày 06-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bình Phước.

Tuyên bố bị cáo Quách Văn T phạm các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Quách Văn T 03 (ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 140, điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Quách Văn T 09 (chín) tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Quách Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 15-3-2017.

Kiến nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HSST ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước và Bản án hình sự phúc thẩm số 43/2018/HSST ngày 25/7/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước để xem xét xử lý trách nhiệm của bị cáo Quách Văn T.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Quách Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn H 120.000.000 đồng; Buộc anh Đặng Văn H trả lại cho ông Nguyễn Văn H 350.000.000 đồng.

Án phí hình sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H không phải chịu.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- PV 27, PC 81 Công an tỉnh;
- Công an huyện LN;
- TAND huyện LN;
- Thi hành án huyện LN
- Bị cáo; người kháng cáo;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Hoàng Linh